

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Khen thưởng
của Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam**

**BAN THƯỜNG VỤ
CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;
- Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012 và Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng;
- Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-TLĐ ngày 29/5/2024 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn;
- Theo đề nghị của Ban Quan hệ lao động.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Khen thưởng của Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam”.

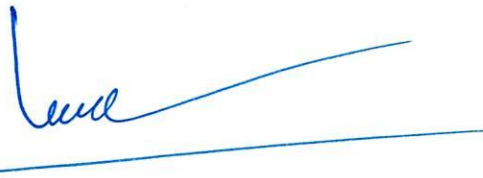
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 382/QĐ-CĐTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Thường vụ Công đoàn Thông tin và Truyền thông Việt Nam.

Điều 3. Các Ban thuộc Công đoàn Khoa học Công nghệ Việt Nam, các Công đoàn trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Tổng Liên đoàn LĐVN (để b/c);
- Các UVBCH CĐKHCHN;
- Các Công đoàn trực thuộc CĐKHCHN;
- Các Ban CĐKHCHN;
- Lưu: VT, QHLD.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Phạm Đức Long

QUY CHẾ KHEN THƯỞNG
CỦA CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số **189**/QĐ-CDKHCN ngày **02** tháng **10** năm 2025
của Ban Thường vụ Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Công đoàn KHCN Việt Nam), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và khen thưởng của Nhà nước áp dụng trong các cấp công đoàn KHCN Việt Nam; hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và các Cụm, Khối thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với tất cả đoàn viên Công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các cấp công đoàn; tổ chức, cá nhân trong nước có công xây dựng tổ chức Công đoàn KHCN Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ để xét khen thưởng

1. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

2. Chú trọng khen thưởng cho công đoàn cơ sở, nhất là công đoàn cơ sở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất và cá nhân có nhiều sáng kiến, sáng tạo trong lao động, sản xuất, công tác.

3. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

4. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành

tích đến đâu khen thưởng đến đó. Trong cùng một cấp, đã được khen thưởng toàn diện thì không được khen thưởng chuyên đề và ngược lại.

5. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ cao xét từ trên xuống để xét khen thưởng theo quy định.

6. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Thời gian để xét khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân là nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung.

7. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

8. Công đoàn KHCN Việt Nam chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề; không khen thưởng thường xuyên cho các tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố và ngược lại.

9. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua của Công đoàn gồm có:

- a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”;
- b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể:
 - “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”;
 - “Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam”;
 - “Công đoàn cơ sở xuất sắc”;

- “Tổ Công đoàn xuất sắc”, “công đoàn bộ phận xuất sắc” (gọi chung là “Tổ Công đoàn xuất sắc”).

2. Danh hiệu vinh dự và danh hiệu thi đua của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

a) Danh hiệu vinh dự Nhà nước đối với tập thể, cá nhân:

- “Anh hùng Lao động”;
- “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;
- “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;
- “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;
- “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

b) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;
- “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”;
- “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- “Lao động tiên tiến”.

c) Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- “Tập thể lao động xuất sắc”;
- “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 5. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn gồm có:

- a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam”;
- b) Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng khen của Tổng Liên đoàn);
- c) Bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn KHCN Việt Nam (sau đây gọi là Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam);
- d) Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn);
- e) Giấy khen của Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở;
- g) “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”;
- h) “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh”;
- i) “Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”;

k) Giải thưởng của Công đoàn KHCHN Việt Nam.

2. Hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

- a) Huân chương;
- b) Huy chương;
- c) Danh hiệu vinh dự nhà nước;
- d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;
- e) Kỷ niệm chương;
- g) Bằng khen;
- h) Giấy khen.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu Đoàn viên Công đoàn xuất sắc xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- 1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- 2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- 3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị.

Điều 7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”

1. Danh hiệu Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho Công đoàn cơ sở, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:

a) Danh hiệu Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn xét tặng cho Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được lựa chọn trong số những Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở xuất sắc;

b) Danh hiệu Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn xét tặng cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình chọn suy tôn dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua do Công đoàn KHCHN Việt Nam tổ chức.

c) Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở xuất sắc tiêu biểu được Công đoàn KHCN Việt Nam lựa chọn đề nghị Tổng Liên đoàn tặng Cờ thi đua thì không được tặng Cờ thi đua của cấp đề nghị mà chỉ ban hành Quyết định công nhận đủ tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của cấp đề nghị.

Trường hợp tập thể đã được đề nghị tặng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục cấp Tổng Liên đoàn tặng thì Công đoàn KHCN Việt Nam xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

d) Số lượng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở không quá 20% số lượng Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam tặng cho các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn KHCN Việt Nam đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ được Tổng Liên đoàn giao trong năm; được bình chọn suy tôn dẫn đầu trong Khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

3. Công đoàn ngành Trung ương đã được Tổng Liên đoàn lựa chọn trình Chính phủ tặng Cờ thi đua thì không được tặng “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” mà chỉ ban hành Quyết định công nhận đủ tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”.

Trường hợp tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng thì Tổng Liên đoàn xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” theo quy định.

4. Số lượng “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn ngành Trung ương và tương đương trực thuộc Tổng Liên đoàn thực hiện theo Hướng dẫn hoạt động Cụm, Khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

Điều 8. Danh hiệu “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn”

1. Các chuyên đề xét khen thưởng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn gồm: “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Văn hoá, Thể thao”, “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề của Tổng Liên đoàn khi sơ, tổng kết phong trào.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng, quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ khen thưởng danh hiệu Cờ thi đua cho từng chuyên đề khi tiến hành sơ, tổng kết các chuyên đề thi đua.

Điều 9. Danh hiệu “Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam xét tặng cho công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong các phong trào thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam.

2. Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam xét tặng cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua được các Cụm, Khối thi đua bình chọn, suy tôn.

3. Cờ thi đua chuyên đề của Công đoàn KHCN Việt Nam tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ, tổng kết phong trào, Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam ban hành hướng dẫn riêng, quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ khen thưởng khi tiến hành sơ, tổng kết phong trào.

Điều 10. Danh hiệu “Công đoàn cơ sở xuất sắc”

Danh hiệu Công đoàn cơ sở xuất sắc xét tặng cho Công đoàn cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua yêu nước do công đoàn cấp trên phát động.

2. Có thỏa ước lao động tập thể (đối với CĐCS doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập); có quy chế dân chủ ở cơ sở; có tập hợp ý kiến đoàn viên kiến nghị với cơ quan chức năng Nhà nước (hoặc thông qua công đoàn cấp trên) tạo điều kiện, cơ chế phù hợp, thuận lợi cho đoàn viên, người lao động có việc làm, nâng cao thu nhập.

3. Không xảy ra ngừng việc tập thể hoặc đình công trái pháp luật;

4. Không có tai nạn lao động chết người tại nơi làm việc;

5. Không có đoàn viên, cán bộ công chức, viên chức là cán bộ chủ chốt vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Điều 11. Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua do Công đoàn cơ sở phát động;

3. Kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của đoàn viên và người lao động với chuyên môn đồng cấp và Công đoàn cấp trên;

4. Giữ vững sinh hoạt, nội bộ đoàn kết, giúp nhau khi gặp khó khăn; không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Công đoàn, cơ quan.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 12. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam”

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam”.

Điều 13. Bằng khen của Tổng Liên đoàn

1. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính cả năm đề nghị khen thưởng), trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

b) Một trong hai năm liền kề (trước năm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn) đã được tặng Bằng khen toàn diện của Công đoàn KHCN Việt Nam.

2. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho cá nhân là đoàn viên Công đoàn trong các doanh nghiệp không thực hiện bình xét các danh hiệu thi đua của Nhà nước đạt các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Có 02 lần liên tục đạt danh hiệu Đoàn viên công đoàn xuất sắc (tính cả năm đề nghị khen thưởng), trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Một trong hai năm liền kề (trước năm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn) đã được tặng Bằng khen toàn diện của Công đoàn KHCN Việt Nam.

3. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng cho đoàn viên là công nhân, lao động có 02 lần liên tục đạt danh hiệu Đoàn viên công đoàn xuất sắc (tính cả năm đề nghị khen thưởng), trong thời gian đó có 01 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; một trong hai năm liền kề (trước năm đề

nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn) đã được tặng Bằng khen toàn diện của Công đoàn KHCN Việt Nam.

4. Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho tập thể: Công đoàn cơ sở, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; các ban thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt Điều lệ Công đoàn Việt Nam; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết.

b) Hai năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc (tính cả năm đề nghị khen thưởng).

Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và chăm lo tốt phúc lợi cho đoàn viên, người lao động.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tổ chức tốt các phong trào thi đua.

c) Một trong hai năm liên kề (trước năm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn) đã được tặng Bằng khen toàn diện của Công đoàn KHCN Việt Nam.

5. Số lượng Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho cá nhân đảm bảo các tỷ lệ sau: (Theo Phụ lục số II đính kèm)

a) Không quá 0,1% (một phần nghìn) tổng số đoàn viên Công đoàn thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam, đồng thời Tổng Liên đoàn xét tặng không quá 25% tổng số Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam đã tặng cho các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trong năm.

b) Không quá 10% tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách thuộc quyền quản lý của Công đoàn KHCN Việt Nam. Trong đó, được đề nghị không quá 50% cho cán bộ tại cơ quan Công đoàn KHCN Việt Nam.

c) Số lượng cá nhân đề nghị xét tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn hằng năm đảm bảo tỷ lệ 15% cho công nhân, lao động trực tiếp sản xuất; cán bộ công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

6. Số lượng Bằng khen của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho tập thể Công đoàn cơ sở, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; các ban thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam đảm bảo các tỷ lệ sau:

a) Không quá 2% tổng số Công đoàn cơ sở thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam, đồng thời, Tổng Liên đoàn xét tặng không quá 25% tổng số Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam, đã tặng cho các tập thể thuộc thẩm quyền quản lý trong năm.

b) Công đoàn KHCN Việt Nam được đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bằng khen cho 01 Ban thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam;

7. Tổng Liên đoàn khuyến khích Công đoàn ngành Trung ương khen thưởng và đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất; khen thưởng cho công nhân, lao động trực tiếp sản xuất; cán bộ công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và tổ chức các hoạt động tôn vinh trang trọng, thiết thực nhưng phải đảm bảo thành tích, tiêu chuẩn, số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn.

Điều 14. Bằng khen chuyên đề của Tổng Liên đoàn

1. Các chuyên đề được xét tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn hằng năm gồm: “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Văn hoá, Thể thao”, “Giải việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng được xét tặng Bằng khen chuyên đề hằng năm gồm: Công đoàn cơ sở và cá nhân thuộc các công đoàn cơ sở.

3. Số lượng Bằng khen chuyên đề xét tặng hằng năm:

Công đoàn KHCN Việt Nam được đề nghị xét tặng không quá 04 Bằng khen/01 chuyên đề (trong đó xét tặng không quá 50% cho tập thể).

4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen cho các chuyên đề của Tổng Liên đoàn.

5. Bằng khen chuyên đề của Tổng Liên đoàn tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt do Tổng Liên đoàn phát động hoặc lập được nhiều thành tích; có thành tích xuất sắc đột xuất.

Điều 15. Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 sáng kiến (đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ) được công nhận (nghiệm thu) và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

b) Trước năm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam đã được tặng Giấy khen của Công đoàn cấp đề nghị.

2. Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam xét tặng cho cá nhân là đoàn viên Công đoàn trong các doanh nghiệp không thực hiện bình xét các danh hiệu thi đua của Nhà nước đạt các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Đoàn viên công đoàn xuất sắc, trong thời gian đó có 01 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Trước năm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam đã được tặng Giấy khen của Công đoàn cấp đề nghị.

3. Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt Điều lệ Công đoàn Việt Nam; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết.

b) Hai năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (tính cả năm đề nghị khen thưởng), trong đó có ít nhất 01 năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và chăm lo tốt phúc lợi cho đoàn viên và người lao động.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tổ chức tốt các phong trào thi đua.

c) Đối với Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn cấp trên cơ sở trước năm đề nghị khen thưởng Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam đã được tặng Giấy khen của Công đoàn cấp đề nghị trở lên.

4. Số lượng Bằng khen: *Theo Phụ lục II của Quy chế này.*

Điều 16. Bằng khen chuyên đề của Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Các chuyên đề được xét tặng Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam hằng năm gồm: “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Văn hoá, Thể thao”, “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” và các chuyên đề khác theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam.

2. Đối tượng được xét tặng Bằng khen chuyên đề hằng năm gồm: Công đoàn cơ sở và cá nhân thuộc các công đoàn cơ sở.

3. Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam ban hành hướng dẫn quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng, hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen cho các chuyên đề của Công đoàn KHCN Việt Nam.

4. Bằng khen chuyên đề của Công đoàn KHCN Việt Nam tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt do Công đoàn KHCN Việt Nam phát động hoặc lập được nhiều thành tích; có thành tích xuất sắc đột xuất.

Điều 17. Bảng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn

1. Bảng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn xét tặng hằng năm cho cá nhân là đoàn viên Công đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên và có sáng kiến, giải pháp được ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả thiết thực được cấp có thẩm quyền công nhận, có hiệu quả và giá trị làm lợi tính theo từng đối tượng cụ thể sau:

a) Đối với đoàn viên là công nhân, lao động có trình độ chuyên môn từ Cao đẳng trở xuống có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 150 triệu đồng trở lên hoặc 03 năm liên tục có giải pháp, sáng kiến với tổng giá trị làm lợi từ 300 triệu đồng trở lên;

b) Đối với đoàn viên là công nhân, lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 300 triệu đồng trở lên;

c) Đối với đoàn viên là cán bộ lãnh đạo quản lý (giữ chức vụ từ phó trưởng phòng trở lên) có từ 01 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 400 triệu đồng trở lên.

d) Đối với đoàn viên là tác giả có sáng kiến, giải pháp không xác định được cụ thể giá trị làm lợi nhưng đã được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, phạm vi ảnh hưởng rộng đến cấp tỉnh, thành phố, bộ, ngành Trung ương, được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ứng dụng xác nhận. Đồng thời được cơ quan quản lý khoa học công nghệ cấp tỉnh, Bộ xác nhận thì tác giả của các sáng kiến đó được xem xét đề nghị tặng thưởng Bảng Lao động sáng tạo.

e) Tổng Liên đoàn xem xét tặng Bảng Lao động sáng tạo cho đoàn viên là tác giả có giải pháp, sáng kiến đạt Giải Nhất tại các Hội thi sáng tạo Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố và đã được áp dụng có hiệu quả, được các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ứng dụng xác nhận.

2. Bảng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn xét tặng cho nhóm tác giả:

a) Đối với nhóm tác giả có sáng kiến mang lại giá trị làm lợi từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng, được đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bảng Lao động sáng tạo cho 01 cá nhân có tỷ lệ đóng góp cao nhất.

b) Đối với nhóm tác giả có sáng kiến mang lại giá trị làm lợi từ 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng, được đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bảng Lao động sáng tạo cho 02 cá nhân, trong đó: 01 chủ nhiệm đề tài, sáng kiến và thành viên có tỷ lệ đóng góp cao nhất.

c) Đối với nhóm tác giả có sáng kiến mang lại giá trị làm lợi từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng, được đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bảng Lao động sáng tạo cho 03 cá nhân, trong đó: 01 chủ nhiệm đề tài, sáng kiến và 02 thành viên có tỷ lệ đóng góp cao nhất.

d) Đối với nhóm tác giả có sáng kiến mang lại giá trị làm lợi từ 50 tỷ đồng trở lên, được đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bằng Lao động sáng tạo cho 04 cá nhân, trong đó: 01 chủ nhiệm đề tài, sáng kiến và 03 thành viên có tỷ lệ đóng góp cao nhất.

e) Trường hợp sáng kiến có nhiều cá nhân với tỷ lệ tham gia đóng góp bằng nhau thì đơn vị xem xét lựa chọn cá nhân tiêu biểu nhất đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bằng Lao động sáng tạo.

g) Đối với sáng kiến không xác định được giá trị làm lợi (theo quy định tại Điểm d, Mục 1) thì đơn vị xem xét lựa chọn, đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bằng Lao động sáng tạo cho 01 cá nhân có tỷ lệ đóng góp cao nhất.

Điều 18. Giải thưởng

1. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn

a) “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” là phần thưởng cao quý của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được xét, trao tặng cho công nhân, lao động trực tiếp sản xuất tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất trong lao động sản xuất; có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật; tích cực đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ góp phần xây dựng doanh nghiệp, đơn vị phát triển bền vững, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh.

b) “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” được tổ chức trao tặng 5 năm 01 lần vào dịp “Tháng Công nhân” của năm tổ chức Đại hội Công đoàn Việt Nam hoặc vào dịp khác do Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định.

c) Mỗi cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần.

d) Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về xét, trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” cho mỗi lần tổ chức.

2. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn:

a) “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” là phần thưởng cao quý của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng cho cán bộ công đoàn các cấp có thành tích xuất sắc tiêu biểu, có nhiều sáng kiến, sáng tạo, giải pháp đổi mới trong hoạt động công đoàn, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương, ngành, đất nước phát triển bền vững; xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh.

b) “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” được tổ chức trao tặng 5 năm 02 lần vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7) hoặc vào dịp khác do Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định;

- c) Mỗi cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần;
- d) Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về việc xét, trao tặng “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” cho mỗi lần tổ chức.

3. “Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”

“Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức, nhằm vinh danh các doanh nghiệp đã nỗ lực cải thiện môi trường làm việc, chăm lo tốt đời sống của người lao động, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, quyền lợi của người lao động và lợi ích xã hội.

Việc xét chọn thông qua kết quả Bảng xếp hạng “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” hằng năm và đánh giá, chấm điểm của Hội đồng; Giải thưởng được trao tặng 5 năm 01 lần. Thời điểm cụ thể do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

Ngoài các Giải thưởng trên, căn cứ điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn, Tổng Liên đoàn sẽ quyết định tổ chức các hình thức biểu dương, tôn vinh theo chuyên đề khác.

Công đoàn KHCN Việt Nam ban hành hướng dẫn các “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”; “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” và “Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” sau khi Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về xét, trao tặng các giải thưởng cho mỗi lần tổ chức.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- b) Là điển hình xuất sắc tiêu biểu của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; Công đoàn cơ sở.

2. Giấy khen để tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Công đoàn được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- b) Là tập thể xuất sắc tiêu biểu của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; Công đoàn cơ sở.

Chương IV

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 20. Đối tượng áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước trong tổ chức Công đoàn

Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn KHCN Việt Nam.

Cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn, người lao động thuộc các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống công đoàn KHCN Việt Nam.

Điều 21. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong các cấp công đoàn toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong các cấp công đoàn toàn quốc.

2. Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Điều 22. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả tại công đoàn cấp tỉnh, ngành và có khả năng nhân rộng tới công đoàn các tỉnh, ngành khác hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong công đoàn cấp tỉnh, ngành.

2. Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong các cấp công đoàn toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ. Chủ tịch Công đoàn KHCN Việt Nam xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong các cấp công đoàn tỉnh, thành, ngành của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Điều 23. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến";
- b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Điều 24. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tổ chức Công đoàn, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;

2. Thời gian để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến";

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến"; Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến". Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt

kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...);

c) Đối với cá nhân chuyển công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ;

d) Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

Điều 25. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ "

1. Tổng Liên đoàn xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho Công đoàn ngành Trung ương và tương đương trực thuộc Tổng Liên đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc tiêu biểu dẫn đầu Cụm, Khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Số lượng tập thể được đề nghị tặng xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" không quá 20 % tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua dẫn đầu của Tổng Liên đoàn.

3. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét trình danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.

Điều 26. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

1. Các tập thể được xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" gồm:

a) Công đoàn ngành Trung ương và tương đương trực thuộc Tổng Liên đoàn;

b) Các ban Công đoàn ngành Trung ương và tương đương;

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và tổ chức Công đoàn;

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức Công đoàn.

Điều 27. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" để tặng hằng năm cho tập thể tại Mục 1 Điều 26 đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
2. Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức Công đoàn.

Điều 28. Khen thưởng cấp Nhà nước

Tổng Liên đoàn xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, danh hiệu Anh hùng Lao động... cho các tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng hiện hành.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 29. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam về công tác thi đua khen thưởng.

2. Cơ cấu Hội đồng: Căn cứ vào tình hình thực tế, Công đoàn KHCN Việt Nam cơ cấu các thành viên Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Chủ tịch Công đoàn KHCN Việt Nam;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là các đồng chí Phó Chủ tịch Công đoàn KHCN Việt Nam;
- c) Thành viên Hội đồng gồm các đồng chí Trưởng ban Ban nghiệp vụ và các thành viên khác do Ban Thường vụ quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam có nhiệm vụ:

a) Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ phát động các phong trào thi đua thường xuyên, chuyên đề hàng năm và giai đoạn trong CNVCLĐ và hoạt động công đoàn của Công đoàn KHCN Việt Nam;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ của ngành, địa phương, đơn vị theo từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Ban Thường vụ kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ và các cấp công đoàn thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam;

d) Tham mưu cho Ban Thường vụ quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 30. Cụm, Khối thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam quyết định thành lập Cụm, Khối thi đua.

2. Số lượng thành viên trong một Cụm, Khối thi đua có từ 05 đơn vị trở lên. Trường hợp đặc thù, số lượng có 04 đơn vị/cụm, khối phải gửi văn bản xin ý kiến Tổng Liên đoàn trước khi quyết định thành lập.

3. Căn cứ quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam ban hành hướng dẫn hoạt động Cụm, Khối thi đua phù hợp với điều kiện thực tế tại Công đoàn KHCN Việt Nam.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

THỦ TỤC, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 31. Thẩm quyền của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ủy quyền cho Thường trực Đoàn Chủ tịch quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”;
2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn”;

3. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn; các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn;

4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam”;

5. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn;

6. “Giải thưởng Nguyễn Văn Linh” của Tổng Liên đoàn;

7. “Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”

8. Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn;

9. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn.

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn ủy quyền cho Ban Thường vụ Công đoàn Công đoàn KHCN Việt Nam xét và ký quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho các ban, đơn vị trực thuộc và báo cáo kết quả về Tổng Liên đoàn.

Tổng Liên đoàn xin ý kiến hiệp y với Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho Công đoàn KHCN Việt Nam.

Điều 32. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam

Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam”.

2. Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam

3. Quyết định tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”; tập thể “Lao động tiên tiến” cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp. Quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban, đơn vị trực thuộc theo ủy quyền của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Giải thưởng của Công đoàn KHCN Việt Nam.

Điều 33. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu “Công đoàn cơ sở xuất sắc” và Giấy khen.

Điều 34. Thẩm quyền của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở

Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”, “Công đoàn cơ sở thành viên xuất sắc”, “Tổ Công đoàn xuất sắc”, “Công đoàn Bộ phận xuất sắc” và Giấy khen.

Điều 35. Thẩm quyền quyết định khen thưởng khác

Những trường hợp khen thưởng ngoài quy định tại Quy chế này do Thường trực Công đoàn KHCN Việt Nam quyết định theo uỷ quyền của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam.

Mục 2

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 36. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn:

- a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- b) Biên bản họp và kết quả bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam hoặc Biên bản bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua (Đối với Cụm, Khối thi đua trực thuộc Tổng Liên đoàn);
- c) Báo cáo thành tích của đơn vị đề nghị tặng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;
- d) Quyết định công nhận đủ điều kiện tặng Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam (đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở xét tặng theo cụm, khối thi đua);
- đ) Quyết định tặng Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam cho các tập thể trực thuộc trong năm xét khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Tổng Liên đoàn:

- a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam;
- b) Biên bản họp và kết quả bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- c) Báo cáo thành tích tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng Bằng khen, có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;
- d) Quyết định tặng thưởng Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam cho các tập thể trực thuộc trong năm xét khen thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Bằng Lao động sáng tạo:

- a) Tờ trình của Công đoàn KHCN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- b) Báo cáo thành tích cá nhân trong đó nêu rõ các giải pháp, sáng kiến đề nghị xét tặng Bằng Lao động sáng tạo, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- c) Văn bản công nhận giải pháp, sáng kiến gồm:

- Quyết định công nhận sáng kiến, giải pháp của cấp có thẩm quyền; Quyết định công nhận giải thưởng.

- Văn bản xác nhận giá trị làm lợi, hiệu quả kinh tế, xã hội của đơn vị ứng dụng giải pháp, sáng kiến và xác định tỷ lệ đóng góp của các giả sáng kiến (đối với sáng kiến là của nhóm tác giả).

4. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn:

a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCHN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”, trong báo cáo phải nêu rõ nội dung, hiệu quả, mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng vào thực tế;

c) Biên bản họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn KHCHN Việt Nam;

d) Xác nhận của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền công nhận sáng kiến, đề tài khoa học và nhận xét, đánh giá hiệu quả, khả năng nhận rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học đã được ứng dụng trong thực tế.

5. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh; Giải thưởng Nguyễn Văn Linh và các giải thưởng khác: Tổng Liên đoàn có hướng dẫn riêng cho mỗi lần tổ chức giải thưởng.

6. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng Cờ thi đua, Bằng khen chuyên đề do các ban nghiệp vụ của Tổng Liên đoàn theo dõi chuyên đề hướng dẫn thực hiện.

Điều 37. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn xét trình khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị xét phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” gửi về Tổng Liên đoàn 02 bộ và mỗi bộ gồm có:

a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCHN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;

c) Chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc ý kiến (bằng văn bản) xác nhận của Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đối với đề tài, sáng kiến, giải pháp đem lại hiệu quả thiết thực;

d) Biên bản cuộc họp bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi về Tổng Liên đoàn 02 bộ và mỗi bộ gồm có:

a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có xác nhận của cấp trình;

c) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu của Cụm, Khối thi đua;

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương các loại gồm 02 bộ, mỗi bộ có:

a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản cuộc họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam;

d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do có phát minh, sáng chế, sáng kiến phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm 02 bộ, mỗi bộ có:

a) Tờ trình của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam, kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam.

Các đơn vị lập tờ trình riêng đối với từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Khen thưởng cấp Nhà nước; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn; Bằng Lao động sáng tạo; Khen thưởng Cờ thi đua và Bằng khen của Tổng Liên đoàn). Ngoài hồ sơ gửi về Tổng Liên đoàn qua đường bưu điện, các đơn vị gửi bản mềm và bản scan về Tổng Liên đoàn qua địa chỉ: thiduatld@gmail.com.

Điều 38. Tuyến trình khen thưởng cấp Nhà nước

Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn KHCN Việt Nam.

Cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn, người lao động thuộc các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống công đoàn KHCN Việt Nam.

Mục 3

THỜI GIAN NHẬN, THẨM ĐỊNH HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 39. Thời hạn trình khen thưởng Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng toàn diện cho tập thể gửi về Công đoàn KHCN Việt Nam trước ngày 10 tháng 12 năm đề nghị khen thưởng.
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng chuyên đề cho tập thể, toàn diện và chuyên đề cho cá nhân gửi về Công đoàn KHCN Việt Nam trước ngày 28 tháng 2 sau năm đề nghị khen thưởng.
3. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo gửi về Công đoàn KHCN Việt Nam trước ngày 30 tháng 6 sau năm đề nghị khen thưởng.
4. Hồ sơ đề nghị xét tặng các giải thưởng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác thời hạn trình theo quy định của Tổng Liên đoàn và Công đoàn KHCN Việt Nam.

Điều 40. Hồ sơ đề nghị Công đoàn KHCN Việt Nam khen thưởng và trình khen thưởng

Hồ sơ đề nghị khen thưởng lập thành 01 bộ trình khen thưởng, (Phụ lục III) mỗi bộ gồm:

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng của Công đoàn cấp trình khen thưởng;
2. Danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;
3. Biên bản họp xét khen thưởng;
4. Báo cáo thành tích tập thể đề nghị tặng Cờ, Bằng khen có xác nhận của Công đoàn các cấp trình khen thưởng;
5. Báo cáo thành tích cá nhân đề nghị tặng Bằng khen, có xác nhận của Công đoàn các cấp trình khen thưởng;
6. Bảng chấm điểm đánh giá xếp loại chất lượng CĐCS;
7. Các văn bản khác có liên quan đến báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của tập thể, cá nhân (nếu có).

Điều 41. Thời gian trình Tổng Liên đoàn quyết định khen thưởng

Thời hạn trình khen thưởng Cờ thi đua, Bằng khen Tổng Liên đoàn thực hiện như sau:

1. Hồ sơ đề nghị khen toàn diện, khen thưởng chuyên đề và danh hiệu Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn đề gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng toàn diện và chuyên đề theo năm học gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 30 tháng 9 hằng năm.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng Lao động sáng tạo gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

4. Các giải thưởng, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác thời hạn trình khen thưởng theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

Điều 42. Thời hạn trình Tổng Liên đoàn xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng

1. Hồ sơ trình đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại gửi xét hằng năm theo 3 đợt: Đợt 1 trong quý I; đợt 2 trong quý II, đợt 3 trong quý IV hằng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Chiến sỹ thi đua toàn quốc gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

3. Hồ sơ trình đề nghị khen thưởng “Cờ Thi đua của Chính phủ” gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 28 tháng 2 hằng năm.

4. Hồ sơ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo năm học gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 15 tháng 9 hằng năm.

Điều 43. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng

Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).

Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).

Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG;

KÍCH THƯỚC CỜ, BẰNG KHEN VÀ GIẤY KHEN

Điều 44. Nguồn hình thành Quỹ thi đua, khen thưởng gồm:

1. Trích từ Tài chính Công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn;
2. Từ nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;
3. Các khoản hỗ trợ của cơ quan quản lý, chính quyền các cấp.

Điều 45. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Cách tính mức tiền thưởng.

a) Mức tiền thưởng cho tập thể, cá nhân kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong hệ thống Công đoàn được tính như sau:

Mức tiền lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng nhân với hệ số theo quy định và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Hệ số mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định cụ thể (*Phụ lục I đính kèm*).

2. Cấp chi tiền thưởng.

a) Công đoàn cấp nào ban hành quyết định khen thưởng thì cấp đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng.

b) Tổng Liên đoàn chi tiền thưởng kèm theo các Quyết định khen thưởng của Nhà nước.

c) Công đoàn KHCN Việt Nam khi quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân không thuộc quyền quản lý trực tiếp có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân đó.

3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 46. Kích thước Cờ thi đua

Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn, Cờ thi đua của Công đoàn KHCN Việt Nam:

- Kích thước: 800mm x 600mm
- Chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ.

Điều 47. Kích thước Bằng khen, Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn và Bằng khen Công đoàn KHCN Việt Nam

1. Bằng khen của Tổng Liên đoàn: Kích thước 360mm x 237mm.
2. Bằng Lao động sáng tạo Tổng Liên đoàn: Kích thước 297 mm x 210 mm.
3. Bằng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam: Kích thước 330mm x 227mm.

Điều 48. Kích thước Giấy khen

Kích thước: 297 mm x 210 mm.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Thu hồi và hủy bỏ các hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng sẽ bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân kê khai gian dối để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm:

- a) Tờ trình của cấp trình khen thưởng;
- b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Khen thưởng ban hành theo Quyết định số 382/QĐ-CĐTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Thường vụ Công đoàn Thông tin và Truyền thông Việt Nam (nay là Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam).

2. Căn cứ Quy chế này, các cấp Công đoàn xây dựng Quy chế khen thưởng của cấp mình đảm bảo các quy định phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công đoàn các cấp phản ánh kịp thời về Công đoàn KHCN Việt Nam để xem xét giải quyết./.

PHỤ LỤC I
HỆ SỐ MỨC TIỀN THƯỞNG KÈM THEO
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Quyết định số 999 /QĐ-TLĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024
của Tổng Liên đoàn)

STT	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng	Hệ số mức tiền thưởng
I.	Danh hiệu thi đua	
1.	Chiến sĩ thi đua toàn quốc	4,5
2.	Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn	3,0
3.	Chiến sĩ thi đua cơ sở	1,0
4.	Lao động tiên tiến	0,3
5.	Tập thể lao động xuất sắc	1,5
6.	Tập thể Lao động tiên tiến	0,8
7.	Cờ thi đua của Chính phủ	12,0
8.	Cờ thi đua toàn diện của Tổng Liên đoàn	8,0
9.	Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn	4,0
10.	Cờ thi đua toàn diện của Công đoàn TTTTVN	4,0
11.	Cờ thi đua chuyên đề của Công đoàn TTTTVN	2,0
II.	Hình thức khen thưởng	
1.	Huân chương Sao vàng: - Tập thể - Cá nhân	92,0
		46,0
2.	Huân chương Hồ Chí Minh: - Tập thể - Cá nhân	61,0
		30,5
3.	Huân chương Độc lập hạng Nhất: - Tập thể - Cá nhân	30,0
		15,0
4.	Huân chương Độc lập hạng Nhì: - Tập thể - Cá nhân	25,0
		12,5

5.	Huân chương Độc lập hạng Ba:	- Tập thể	21,0
		- Cá nhân	10,5
6.	Huân chương Lao động hạng Nhất:	- Tập thể	18,0
		- Cá nhân	9,0
7.	Huân chương Lao động hạng Nhì	- Tập thể	15,0
		- Cá nhân	7,5
8.	Huân chương Lao động hạng Ba:	- Tập thể	9,0
		- Cá nhân	4,5
9.	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:	- Tập thể	7,0
		- Cá nhân	3,5
10.	+ Bằng khen của TLĐ:	- Tập thể	3,0
		- Cá nhân	1,5
	+ Bằng khen chuyên đề của TLĐ:	- Tập thể	2
		- Cá nhân	1
11.	Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn		2
12.	Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam”		0,6
13.	Bằng khen của Công đoàn TTTTVN:		
	+ Bằng khen:	- Tập thể	1.5
		- Cá nhân	0.75
	+ Bằng khen chuyên đề:	- Tập thể	1
		- Cá nhân	0,5
14.	Giấy khen của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:		
		- Tập thể	0,6
		- Cá nhân	0,3
15.	Giấy khen của Công đoàn cơ sở	- Tập thể	0,3
		- Cá nhân	0,15

24

PHỤ LỤC II
SỐ LƯỢNG CÁC DANH HIỆU VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Quy chế Khen thưởng của Công đoàn Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

I. CỜ, BẢNG KHEN TOÀN DIỆN

TT	Danh hiệu, hình thức	Đối tượng khen thưởng		Số lượng
1	Cờ thi đua TLĐ	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở		20% số Công đoàn đã được tặng Cờ thi đua Công đoàn KHCN Việt Nam
2	Cờ thi đua Công đoàn KHCN VN	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở		20% tổng số Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở
3	Bảng khen của BCH TLĐ	Tập thể	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở	2% tổng số Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở
			Ban chuyên môn thuộc Cơ quan Công đoàn KHCN VN	01 Ban chuyên môn
		Cá nhân	Đoàn viên Công đoàn KHCN Việt Nam	0,1% tổng số đoàn viên Công đoàn KHCN Việt Nam (đảm bảo 15% cho CNLĐ trực tiếp sản xuất, CCVC không giữ chức vụ quản lý)
			Cán bộ Công đoàn chuyên trách	10% tổng số cán bộ Công đoàn chuyên trách, trong đó 50% cho cán bộ CĐ chuyên trách tại Cơ quan Công đoàn KHCN Việt Nam
4	Bảng khen của BCH Công đoàn KHCN Việt Nam	Tập thể	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở	25% tổng số Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở
			Công đoàn cơ sở thành viên	15% tổng số Công đoàn cơ sở thành viên
		Cá nhân	Công đoàn cơ sở có dưới 50 đoàn viên	01 BK/01 Công đoàn
			Công đoàn cơ sở có từ 51 đến 100 đoàn viên	02 BK/01 Công đoàn
			Công đoàn cơ sở có từ 101 đến 200 đoàn viên	03 BK/01 Công đoàn
			Công đoàn cơ sở có từ 201 đến dưới 500 đoàn viên	04 BK/01 Công đoàn
			Công đoàn cơ sở có từ 500 đến 1000 đoàn viên	Cứ 100 đoàn viên được xét tặng 01BK
			Công đoàn có trên 1000 đoàn viên	0,7% tổng số đoàn viên của đơn vị (trong đó ít nhất 20% đoàn viên công đoàn là người lao động trực tiếp)

TT	Danh hiệu, hình thức	Đối tượng khen thưởng	Số lượng
5	Giấy khen	Tập thể, cá nhân đoàn viên Công đoàn	Số lượng Giấy khen do các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn cơ sở quyết định

II. CỜ, BẢNG KHEN CÁC CHUYÊN ĐỀ

TT	Danh hiệu, hình thức	Đối tượng khen thưởng	Số lượng
1. Khen thưởng cấp TLĐ			
1.1	Cờ thi đua Chuyên đề: “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”; “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà”; “Văn hoá, Thể thao” của Tổng Liên đoàn	Công đoàn cơ sở	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ tặng Cờ thi đua khi sơ, tổng kết phong trào.
1.2	Bảng khen các chuyên đề: “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”; “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà”; “Văn hoá, Thể thao” của Tổng Liên đoàn	Công đoàn cơ sở, cá nhân thuộc các Công đoàn cơ sở	04 Bảng khen/01 Chuyên đề (gồm cả tập thể và cá nhân)
2. Khen thưởng cấp Công đoàn KHCN Việt Nam			
2.1	Cờ thi đua Chuyên đề: “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”; “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà”; “Văn hoá, Thể thao” của Công đoàn KHCN Việt Nam	Công đoàn cơ sở	Công đoàn KHCN Việt Nam chỉ tặng Cờ thi đua khi sơ, tổng kết phong trào.
2.2	Bảng khen chuyên đề: “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” của Công đoàn KHCN Việt Nam	Tập thể	Công đoàn cơ sở 8% tổng số Công đoàn cơ sở. Công đoàn cơ sở thành viên 4% tổng số Công đoàn cơ sở thành viên
		Cá nhân	Cá nhân thuộc các tập thể được khen thưởng - Tập thể được tặng Bảng khen của TLĐ: 02 Bảng khen cá nhân - Tập thể được tặng Bảng khen của Công đoàn KHCN Việt Nam: 01 Bảng khen cá nhân
2.3	Bảng khen chuyên đề: “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” của Công đoàn KHCN Việt Nam	Tập thể	Công đoàn cơ sở 10% tổng số Công đoàn cơ sở Công đoàn cơ sở thành viên 5% tổng số Công đoàn cơ sở thành viên

TT	Danh hiệu, hình thức	Đối tượng khen thưởng		Số lượng
		Cá nhân	Cá nhân là Nữ đoàn viên	0,5% tổng số nữ của đơn vị
2.4	Bằng khen chuyên đề: “Văn hoá, Thể thao” của Công đoàn KHCN Việt Nam	Tập thể	Công đoàn cơ sở	5% tổng số Công đoàn cơ sở
			Công đoàn cơ sở thành viên	3% tổng số Công đoàn cơ sở thành viên
		Cá nhân	Cá nhân thuộc các tập thể được khen thưởng	- Tập thể được tặng Bằng khen của TLĐ: 02 Bằng khen cá nhân - Tập thể được tặng Bằng khen Công đoàn KHCN Việt Nam: 01 Bằng khen cá nhân
2.5	Bằng khen chuyên đề “Chuyển đổi số” của Công đoàn KHCN Việt Nam	Chỉ khen thưởng cho tập thể Công đoàn trên cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn KHCN Việt Nam		Số lượng Bằng khen theo thực tế thành tích đạt được của đơn vị

204

PHỤ LỤC III
MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ, THỦ TỤC
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị Công đoàn KHCN Việt Nam khen thưởng
Mẫu số 02	Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị Công đoàn KHCN Việt Nam khen thưởng
Mẫu số 03	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn
Mẫu số 04	Tóm tắt thành tích đề nghị tặng thưởng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn
Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen của Tổng Liên đoàn; Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 06	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua, Bằng khen của Tổng Liên đoàn và Giấy khen đối với cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác

Lưu ý : Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Tổng Liên đoàn, cấp Công đoàn KHCN Việt Nam và khen thưởng cấp Nhà nước đề nghị :

- Báo cáo đúng, đủ các nội dung theo yêu cầu, có số liệu minh chứng;
- Không dùng bìa, không đóng quyển và chỉ gửi kèm các văn bản, quyết định được quy định tại Quy chế này;
- Hồ sơ được sắp xếp theo số thứ tự trong danh sách (tập thể, cá nhân) đề nghị khen thưởng kèm Tờ trình của cấp trình khen thưởng;
- Tổng Liên đoàn không nhận các hồ sơ không đảm bảo các điều kiện và yêu cầu theo quy định.

Handwritten signature

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN

Mẫu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr -

....., ngày tháng năm 20..

TỜ TRÌNH
Về việc khen thưởng năm....

Kính gửi: Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam

Căn cứ Quy chế Khen thưởng của Công đoàn KHCN Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKHCN ngày / /2025 của Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam;

Ban Thường vụ (BCH) Công đoànđã đánh giá thành tích xuất sắc đạt được trong hoạt động Công đoàn..... và thực hiện các phong trào thi đua năm....

Ban Thường vụ (BCH) Công đoànđề nghị Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam xem xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân sau:

1. Tặng Cờ thi đua của.....năm... cho.....tập thể (hoặc Cờ chuyên đề vềcho.....): (có danh sách kèm theo)

2. Tặng Bằng khen tập thể và cá nhân. (Hoặc Tặng Bằng khen về chuyên đề cho tập thể và cá nhân). (có danh sách kèm theo)

Ban Thường vụ đảm bảo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng là đúng thực tế, đủ các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định.

Kính trình Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam xem xét quyết định.

Hồ sơ kèm theo tờ trình gồm:

- Biên bản họp xét của Ban Thường vụ (Ban Chấp hành)
- Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng ... bản.
- Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng Cờ bản.
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị Bằng khenbản
- Các văn bản khác:

Quyết định công nhận đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công nhận sáng kiến (đối với cá nhân);

Quyết Công nhận đủ điều kiện tặng Cờ thi đua của cấp đề nghị (đối với tập thể đề nghị tặng cờ thi đua);

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CÔNG ĐOÀN TTTT VIỆT NAM KHEN THƯỞNG NĂM....
(Đính kèm Tờ trình số..../TTr-.....)

I. CỜ THI ĐUA:

1.....

2.....

.....

II. BẢNG KHEN:

A. Tập thể:

1.....

2.....

B. Cá nhân:

1.....

2.....

.....

Lưu ý: Ghi rõ ràng, không viết tắt, đối với cá nhân đề nghị ghi đầy đủ chức vụ Công đoàn và chức vụ chuyên môn cao nhất.

.....

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-CD....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH TẬP THỂ

**Đề nghị Tổng Liên đoàn (hoặc Công đoàn KHCN Việt Nam)
tặng Cờ (hoặc Bằng khen) về thành tích thi đua toàn diện năm**

A. SƠ LƯỢC TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM

- Tên đơn vị:.....
- Tổng số Công đoàn cơ sở:....., Công đoàn cơ sở thành viên:....., Công đoàn bộ phận, tổ Công đoàn:.....
- Tổng số đoàn viên:...../Tổng số CBCNVCLĐ; Đoàn viên nữ:người.

B. NHỮNG THÀNH TÍCH CHỦ YẾU

I. Hoạt động Công đoàn góp phần hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn

1. Đối với Công đoàn khối hành chính sự nghiệp
 - Báo cáo kết quả hoạt động công đoàn góp phần cùng chuyên môn hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chương trình, kế hoạch công tác.
2. Đối với Công đoàn khối doanh nghiệp
 - Doanh thu (sản lượng, sản phẩm):.....đồng = % KH = % so với năm trước.
 - Nộp ngân sách:đồng =% KH =% so với năm trước.
 - Thu nhập bình quân:đồng/người =% so với năm trước.

II. Công tác tuyên truyền

1. Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; Tuyên truyền phổ biến nghị quyết, chế độ chính sách của tổ chức Công đoàn, của Ngành, của đơn vị; Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của Ngành, của tổ chức Công đoàn; Tuyên truyền công tác ATVSLĐ

- Số buổi do đơn vị tổ chức:....., số lượt người tham gia:
- Số CĐCS trực thuộc tổ chức:....., số buổi:....., số lượt người tham gia:....

2. Tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của Ngành, của Công đoàn; chào mừng đại hội công đoàn các cấp và Đại hội lần thứ I Công đoàn KHCN Việt Nam.

- Số buổi do đơn vị tổ chức:
- Số CĐCS trực thuộc triển khai:
- Số lượt người tham gia:.....

3. Tổ chức triển khai các hoạt động “Tết sum vầy” “Tháng Công nhân”, “Tháng Hành động về ATVSLĐ”

- Số CĐCS trực thuộc triển khai:.....

- Số lượt người tham gia:.....

4. Tổ chức triển khai thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

- Các chủ đề triển khai:.....

- Kết quả đạt được:.....

III. Phối hợp thực hiện quy chế dân chủ; Chăm lo đời sống CNVCLĐ; Hoạt động xã hội từ thiện

1. Thực hiện quy chế dân chủ

a) Đối với Công đoàn khối hành chính sự nghiệp

- Số CĐCS đã xây dựng (sửa đổi) Quy chế dân chủ cơ sở:..... = % tổng số CĐCS.

- Số CĐCS phối hợp chuyên môn tổ chức Hội nghị CBCC:..... = % tổng số CĐCS.

- Số lượt tập huấn về pháp luật LĐ, pháp luật CĐ:.....; Số người tham gia:.....

b) Đối với Công đoàn khối doanh nghiệp

- Số CĐCS phối hợp chuyên môn tổ chức Hội nghị NLĐ:..... đơn vị = % tổng số CĐCS.

- Số CĐCS ký TULĐTT = đơn vị =% tổng số CĐCS.

- Số lượt tập huấn về pháp luật LĐ, pháp luật CĐ:.....; Số người tham gia:.....

2. Chăm lo đời sống CNVCLĐ

- Số người được tham gia BHXH, BHYT, BHTN:..... =% / tổng số CNVCLĐ.

- Số người được khám sức khỏe định kỳ:..... =% / tổng số CNVCLĐ.

- Số người được đi tham quan, nghỉ mát theo chế độ:..... =% / tổng số CNVCLĐ.

- Số người được đi nghỉ điều dưỡng theo chế độ:..... =% / tổng số CNVCLĐ.

- Số lượt tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp kiểm tra chế độ chính sách đối với người lao động tại CĐCS trực thuộc:.....

- Số tiền hỗ trợ CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn nhân Tháng Công nhân:..... đồng.

3. Công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ

- Số buổi huấn luyện về ATVSLĐ:.....

- Số người được huấn luyện về ATVSLĐ:..... =% / tổng số CNVCLĐ.

- Số vụ tai nạn lao động:....; Số người bị thương nặng:.....; Số người chết:.....

4. Hoạt động xã hội, từ thiện

- Tổng số tiền tham gia hoạt động xã hội, từ thiện của đơn vị trong năm:..... đồng

- Tham gia đóng góp hoạt động xã hội, từ thiện do Công đoàn Thông tin và Truyền thông Việt Nam phát động: đồng.

- Đang phụng dưỡng (số người): Mẹ VN Anh hùng:....., Mẹ liệt sỹ:..... (nếu có).

- Tặng nhà tình nghĩa, mái ấm công đoàn (nếu có): Số lượng:.....

- Các hoạt động khác (nếu có):.....

IV. Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua

1. Các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; thực hành tiết kiệm

- Số CĐCS tổ chức phát động và đăng ký thi đua:.....

- Số CĐCS ký giao ước thi đua:.....
- Số CĐCS tổ chức tôn vinh, biểu dương điển hình tiên tiến:.....
- Số người được tôn vinh:.....; Số tiền khen thưởng:.....đồng.
- Số lượng hội thi ngành nghề (tên Hội thi):.....
- Số người được giải thưởng hội thi:.....
- Số tiền khen thưởng hội thi:.....đồng.
- Số sáng kiến được các cấp công nhận:....; Tiền thưởng :... .đồng; Làm lợiđồng.
- Số cá nhân được trình TLĐLĐVN xét tặng Bằng Lao động sáng tạo:.....
- Phong trào Thực hành tiết kiệm đã tiết kiệm trong năm: đồng.

2. Phong trào học tập, văn hoá, văn nghệ, thể thao

- Phong trào học tập (Kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong năm): Trên Đại học..... người, Đại học:.....người; Cao đẳng:.....người; Tin học:.....người; Ngoại ngữ:....; Chính trị (Cao cấp, cử nhân)....., Chính trị (Trung cấp):
- Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao: Số lần đơn vị tự tổ chức:..... Số người tham gia:.....; Số lần đơn vị tham gia do cấp trên tổ chức:..... Số người tham gia:.....Cấp tổ chức.....; Đạt giải (nếu có):.....

3. Phong trào Nữ trong công nhân viên chức lao động

- Số phong trào:.....; Tên các phong trào:.....Số lượng nữ tham gia:.....
- Khen thưởng phong trào nữ:.....đồng.

4. Các phong trào thi đua khác:

- Tên phong trào, thời gian triển khai:.....
- Kết quả đạt được:.....

V. Công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn vững mạnh; xây dựng Đảng

- Số CĐCS thực hiện chấm điểm đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động CĐCS:...
- Số CĐCS có tỷ lệ đoàn viên trên tổng số CNVCLĐ đạt 95% trở lên:.....
- Số buổi tập huấn nghiệp vụ Công đoàn:..... Số người tham gia:.....
- Số CĐCS được xếp loại CĐCS hoàn thành tốt nhiệm vụ:.....=.....% tổng số CĐCS.
- Số CĐCS được xếp loại CĐCS hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:.....=.....% tổng số CĐCS.

- Số lượng phát triển đoàn viên trong năm:..... người.
- Số đoàn viên được giới thiệu kết nạp Đảng trong năm:..... người.
- Số đoàn viên được kết nạp Đảng trong năm:..... người.

VI. Kiểm tra, giám sát thực hiện Điều lệ Công đoàn; chế độ, chính sách, pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động

- Số CĐCS đã kiểm tra chấp hành Điều lệ, công tác tài chính trong năm:.....
- Số lần tổ chức kiểm tra đồng cấp:.....
- Tham gia tập huấn về công tác kiểm tra.
- Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo gửi đến.
- Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đã giải quyết.
- Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo chuyển công đoàn cấp trên giải quyết.

22

VII. Thực hiện chế độ tài chính

- Công tác thu, chi tài chính.
- Việc trích, nộp kinh phí lên công đoàn cấp trên.
- Số CĐCS sử dụng phần mềm kế toán công đoàn.
- Tổ chức, tham gia tập huấn về công tác tài chính.

VIII. Công tác thông tin, báo cáo

- Đánh giá chất lượng báo cáo.
- Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất đúng thời gian quy định.

IX. Những danh hiệu thi đua và hình thức đã được khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đạt được của đơn vị năm trước liền kề

- Khen thưởng chuyên môn.
- Khen thưởng công đoàn.

2. Số tập thể, cá nhân đã được khen thưởng hoặc đang được đề nghị khen thưởng năm

.....

- CSTĐ các cấp:..... người =%; LĐTT:..... người =%;
- Tập thể LĐTT:tập thể =.....%; Tập thể LĐXS: tập thể =.....%;
- ĐVCD xuất sắc:..... người =.....%; CĐCS hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ..... tập thể =.....%; CĐCS hoàn thành tốt nhiệm vụ..... tập thể =.....%.
- Số tập thể được khen thưởng đột xuất trong năm:.....
- Số cá nhân được khen thưởng đột xuất trong năm:.....

X. Kiến nghị, đề xuất

1. Kiến nghị, đề xuất với Tổng Liên đoàn
2. Kiến nghị, đề xuất với Công đoàn KHCN Việt Nam

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG ĐOÀN KHCN
VIỆT NAM**

(Nếu đề nghị khen thưởng cấp TLĐ)

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3.1: Biên bản họp bình xét khen thưởng cho tập thể

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-CD....

....., ngày..... tháng... năm 20

**TRÍCH BIÊN BẢN
HỌP XÉT KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH TOÀN DIỆN CHO TẬP THỂ
NĂM 20....**

Ngày ... tháng ... năm 202..., vào hồi ... giờ..., Ban Thường vụ (BCH) Công đoàn đã họp với nội dung: Tổng kết phong trào thi đua và bình xét khen thưởng thành tích toàn diện năm cho tập thể.

Thành phần:.....

Chủ trì:.....

Có mặt tham dự:/.....; Vắng mặt:, lý do:

Căn cứ Quyết định số/QĐ-CDKHCHN ngày/...../20.. ban hành Quy chế Khen thưởng của Công đoàn KHCHN Việt Nam.

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-CDTTTT ngày...../...../20.. của Công đoàn KHCHN Việt Nam về việc Hướng dẫn khen thưởng Công đoàn năm.....

Căn cứ đề nghị của các Công đoàn trực thuộc về việc khen thưởng thành tích của các tập thể năm

Xét thành tích của các tập thể và đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định, sau khi thảo luận.....% thành viên tham dự cuộc họp đã nhất trí đề nghị Công đoàn KHCHN Việt Nam xem xét:

1. Trình Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng thành tích toàn diện năm cho(số lượng) tập thể.

2. Công đoàn KHCHN Việt Nam khen thưởng thành tích toàn diện năm..... cho (số lượng) tập thể.

3. Danh sách đề nghị khen thưởng như sau:

STT	Công đoàn	Danh hiệu, hình thức đề nghị khen thưởng (Cờ TLĐ, Cờ CDKHCHN, BKTLD, BK CDKHCHN)
1		
2		
3		

Cuộc họp kết thúc hồi giờ cùng ngày.

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký tên, đóng dấu)

24

**Mẫu số 3.2: Tổng hợp tóm tắt thành tích tập thể đề nghị Tổng Liên đoàn
khen thưởng toàn diện**

TỔNG HỢP TÓM TẮT THÀNH TÍCH CÁC TẬP THỂ
Đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN khen thưởng thành tích toàn diện năm
 (Kèm theo Tờ trình số/..... ngày tháng năm.....)

TT	Tên công đoàn đề nghị khen thưởng, (thuộc công đoàn...) (Ghi đầy đủ và không viết tắt)	Tóm tắt thành tích - Cờ TLĐ: Ghi những thành tích tiêu biểu trong năm đề nghị. - BKTLD: Ghi những thành tích tiêu biểu trong 02 năm (năm đề nghị và năm trước liền kề)	Các danh hiệu và hình thức khen thưởng đạt được trong 02 năm trước liền kề (Số QĐ, ngày, tháng, năm, cấp ra QĐ)
I	Cờ TLĐ		
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
...			
II	BKTLD		
1.			
2.			
3.			
...			

Người lập bảng
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)
CHỦ TỊCH
 (Ký và đóng dấu)

Xác nhận
của Công đoàn KHCN Việt Nam
 (Ký và đóng dấu)



CỘNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CỘNG ĐOÀN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-CD....

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị khen thưởng thành tích toàn diện cho cá nhân năm 20....**

Kính gửi: Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam

Căn cứ Quyết định số/QĐ-CDKHCN ngày... /... /2025 ban hành Quy chế Khen thưởng của Công đoàn KHCN Việt Nam.

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-CDTTTT ngày...../...../20.... của Công đoàn KHCN Việt Nam về việc Hướng dẫn khen thưởng Công đoàn năm.....

Căn cứ kết quả họp bình xét khen thưởng ngày...../...../20... của Hội đồng thi đua khen thưởng Công đoàn

Ban Thường vụ Công đoàn..... kính trình Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam xem xét khen thưởng và trình khen thưởng thành tích thi đua toàn diện năm 20.... cho các cá nhân:

1. Bằng khen Tổng Liên đoàn cho (số lượng) cá nhân.
2. Bằng khen Công đoàn KHCN VN cho.....(số lượng) cá nhân.

Ban Thường vụ Công đoàn..... đảm bảo các cá nhân được đề nghị khen thưởng trên là đúng thực tế, kính trình Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam quan tâm, giải quyết.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm có:

- Tờ trình khen thưởng.
- Danh sách các cá nhân được đề nghị khen thưởng.
- Biên bản họp xét thi đua.
- Báo cáo thành tích của các cá nhân.
- Bảng tổng hợp tóm tắt thành tích các cá nhân đề nghị khen thưởng Bằng khen Tổng Liên đoàn.

Nơi nhận:

-
-
-

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.1: Danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng toàn diện

DANH SÁCH
CÁ NHÂN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG TOÀN DIỆN NĂM 20...
(Kèm theo tờ trình số /ngàytháng.....năm.....)

TT	Họ và tên (Không viết tắt)	Chức vụ (Chuyên môn, công đoàn) thuộc Công đoàn... (Không viết tắt)	Danh hiệu, hình thức đã được khen thưởng năm..... (năm trước liền kề năm đề nghị)
I.	Khen thưởng BK TLĐ		
1.			
2.			
3.			
...			
II	Khen thưởng BK CĐKHCVN		
1.			
2.			
3.			
...			

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

2/4

Mẫu số 4.2: Biên bản họp bình xét khen thưởng cho cá nhân

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-CD....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**TRÍCH BIÊN BẢN HỌP
XÉT KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH TOÀN DIỆN CHO CÁ NHÂN
NĂM 20...**

Ngày ... tháng ... năm 20....., vào hồi ... giờ..., Ban Thường vụ (BCH) Công đoàn..... đã họp với nội dung: Bình xét khen thưởng thành tích toàn diện năm 20... cho cá nhân.

Thành phần:.....

Chủ trì:.....

Có mặt tham dự:/.....; Vắng mặt:....., lý do:

Căn cứ Quyết định số/QĐ-CDKHCN ngày .../.../20... ban hành Quy chế Khen thưởng của Công đoàn KHCN Việt Nam.

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-CDTTTT ngày.../.../20... của Công đoàn KHCN Việt Nam về việc Hướng dẫn khen thưởng Công đoàn năm 20....

Căn cứ đề nghị của các Công đoàn trực thuộc về việc khen thưởng thành tích của các cá nhân năm 20....

Xét thành tích của các cá nhân và đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định, sau khi thảo luận.....% thành viên tham dự họp đã nhất trí đề nghị Công đoàn KHCN Việt Nam xem xét:

1. Trình Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích toàn diện năm 20.... cho.....(số lượng) cá nhân.

2. Công đoàn KHCN Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích toàn diện năm 20.... cho..... (số lượng) cá nhân.

3. Danh sách đề nghị khen thưởng như sau:

T T	Họ và tên	Chức vụ công tác		Công đoàn đơn vị
		Chuyên môn	Công đoàn	
I	Bằng khen TLĐ			
1				
2				
II	Bằng khen CDKHCNVN			
1				
2				

Cuộc họp kết thúc hồi giờ cùng ngày.

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký tên, đóng dấu)

(Chữ ký)

BÁO CÁO THÀNH TÍCH CÁ NHÂN
Đề nghị Tổng Liên đoàn (hoặc Công đoàn KHCN Việt Nam)
Khen thưởng Bằng khen thành tích toàn diện năm

I. Sơ lược lý lịch

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Đơn vị công tác:
- Nghề nghiệp:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Chức danh:
- Chức vụ (đảng, chuyên môn, công đoàn):

II. Thành tích đạt được

1. Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.
2. Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác công đoàn, chuyên môn năm đề nghị khen thưởng (đối với đề nghị BKCDKHCN); Thành tích 02 năm (năm trước liền kề và năm đề nghị khen thưởng) đối với đề nghị BKTLĐ.
3. Thành tích tiêu biểu của tập thể nơi cá nhân công tác (nếu cá nhân đề nghị khen thưởng là người đứng đầu cơ quan, đơn vị).
4. Đối với cá nhân không là công nhân lao động khi đề nghị BKTLĐ, ngoài các mục trên phải kê tên 02 sáng kiến đã được công nhận trong khoảng thời gian 02 năm (năm trước liền kề và năm đề nghị khen thưởng); Nêu tóm tắt 01 sáng kiến tiêu biểu nhất (là chủ trì sáng kiến; Tên sáng kiến, cấp công nhận, nghiệm thu; quy mô và thời gian áp dụng; hiệu quả kinh tế, xã hội).

III. Các danh hiệu thi đua, hình thức được chuyên môn, công đoàn khen thưởng trong 02 năm liên tục trước năm đề nghị khen thưởng

Năm	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	Số, ngày tháng năm của quyết định; Cơ quan ban hành quyết định
20		
20		

Xác nhận của Công đoàn cấp trên
(Ký, đóng dấu)

Xác nhận của BCHCD
(Ký và đóng dấu)

Người báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Công đoàn KHCN Việt Nam
(nếu đề nghị Bằng khen Tổng Liên đoàn)

Ghi chú: Báo cáo khoảng 03 trang A4

Mẫu số 4.4: Tổng hợp tóm tắt thành tích các cá nhân đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng Bằng khen toàn diện

TỔNG HỢP TÓM TẮT THÀNH TÍCH CÁC CÁ NHÂN

Đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN khen thưởng Bằng khen toàn diện năm 20....

(Kèm theo Tờ trình số/..... ngày tháng năm.....)

T	Họ và tên, chức vụ, thuộc công đoàn (Ghi đầy đủ và không viết tắt)	Tóm tắt thành tích	Các hình thức khen thưởng đạt được trong 02 năm trước liền kề (Số QĐ, ngày, tháng, năm, cấp ra QĐ)
T		- Những thành tích tiêu biểu nhất trong hoạt động chuyên môn, công đoàn trong 02 năm (năm đề nghị và năm trước liền kề). - Tên các sáng kiến trong giai đoạn 02 năm (năm đề nghị và năm trước liền kề). - Tóm tắt 01 sáng kiến tiêu biểu nhất	
1.			
2.			
3.			
4.			
...			

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH
(Ký và đóng dấu)

Xác nhận
của Công đoàn KHCN Việt Nam
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 05: Đề nghị xét tặng Bằng Lao động sáng tạo

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-CD....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Bằng Lao động sáng tạo năm....

Kính gửi: Ban Thường vụ Công đoàn Thông tin và Truyền thông Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-TLĐ ngày 29/5/2024 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN, ban hành Quy chế khen thưởng của tổ chức Công đoàn;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-CDKHCN ngày....../.../2025 ban hành Quy chế Khen thưởng của Công đoàn KHCN Việt Nam.

Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-CDKHCN ngày/.../20... của Công đoàn KHCN Việt Nam về việc hướng dẫn đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN xét tặng Bằng Lao động sáng tạo năm.....

Xét thành tích xuất sắc đạt được trong phong trào sáng kiến, sáng tạo của CB, CNVCLĐ, đoàn viên công đoàn thuộc Công đoàn.....

Ban Thường vụ (Ban Chấp hành) Công đoàn kính đề nghị Ban Thường vụ Công đoàn KHCN Việt Nam xét và đề nghị Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng Bằng Lao động sáng tạo năm cho..... cá nhân.

Ban Thường vụ (Ban Chấp hành) Công đoàn..... đảm bảo thành tích cá nhân được đề nghị Tổng Liên đoàn tặng Bằng Lao động sáng tạo là đúng sự thật.

Hồ sơ kèm theo gồm có:

-
-
-

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCH Công đoàn;
- Lưu:...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)

CHỦ TỊCH

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

[Signature]

Danh sách – Tóm tắt thành tích cá nhân đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo

CỘNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN.....**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20...

TÓM TẮT THÀNH TÍCH CÁC CÁ NHÂN**Đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bằng Lao động sáng tạo năm****(Kèm theo Tờ trình số)**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, đơn vị công tác	Số lượng giải pháp, đề tài	- Tiền làm lợi (đ) - Tiền thưởng (đ)	Tóm tắt nội dung giải pháp, đề tài	Những năm đã được tặng Bằng LĐST (Nếu có)
1.				Bao gồm các nội dung tại mục Lưu ý	
2.					
3.					
...					

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)*(Ký tên, đóng dấu)***Lưu ý:** Tóm tắt nội dung giải pháp, đề tài cần nêu tóm tắt một số nội dung cơ bản sau:

- Tên giải pháp, đề tài.
- Tính cấp thiết đưa ra giải pháp, đề tài.
- Thực trạng trước khi đưa ra giải pháp, đề tài.
- Tính mới, tính sáng tạo của giải pháp, đề tài.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội.
- Số, ngày, tháng, năm, tên đơn vị ban hành văn bản công nhận giải pháp, đề tài; phạm vi áp dụng của giải pháp, đề tài...
- Đã được các giải thưởng (tên giải thưởng, đơn vị tổ chức, ngày, tháng năm được trao giải).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TỔNG LIÊN ĐOÀN TẶNG BẰNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO
Năm.....

Họ và tên: ngày, tháng, năm sinh..... Nam (nữ).....

Quê quán:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chức vụ, đơn vị công tác.....

Tổng số sáng kiến, giải pháp

Tổng số tiền làm lợitriệu đồng,

Tỷ lệ tham gia đóng góp của cá nhân:

Tổng số tiền được thưởng:..... triệu đồng.

Những năm đã được Bằng Lao động sáng tạo:

I. Mô tả giải pháp sáng kiến, đề tài khoa học: *(Mô tả từng giải pháp, sáng kiến)*

1. Mô tả ngắn gọn những ưu, khuyết điểm của tình trạng kỹ thuật hoặc tổ chức sản xuất đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị. Cần chỉ rõ đặc điểm cần phải khắc phục.

2. Mô tả giải pháp sáng kiến:

- Nội dung của sáng kiến, giải pháp: *(mô tả ngắn gọn đầy đủ và rõ ràng)*

- Thuyết minh tính mới của giải pháp: *(chú ý nêu rõ các nội dung cải tiến, sáng tạo).*

- Phạm vi áp dụng: Giải pháp đã được áp dụng tại đại phương, đơn vị nào? hoặc chứng minh khả năng áp dụng trong điều kiện kinh tế kỹ thuật tại cơ quan đơn vị.

- Thời gian áp dụng:

- Hiệu quả kinh tế - xã hội giải pháp, sáng kiến sáng tạo: Cần so sánh với những giải pháp tương tự, giá trị kinh tế đem lại sau khi áp dụng giải pháp, đề tài, sáng kiến so với trước đó.

- Giá trị làm lợi của sáng kiến: Đề nghị thuyết minh rõ từ đâu tính được giá trị làm lợi.

3. Văn bản kèm theo:

- Quyết định hoặc giấy chứng nhận công nhận sáng kiến, giải pháp của cấp có thẩm quyền;

- Văn bản xác nhận hiệu quả, giá trị làm lợi của cơ quan, đơn vị ứng dụng sáng kiến;

- Văn bản xác nhận tỷ lệ đóng góp của tác giả sáng kiến;

- Quyết định công nhận đạt Giải nhất Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh (nếu có).

II. Thành tích trong hoạt động Công đoàn:

2/4

Nêu ngắn gọn những thành tích tiêu biểu trong việc tham gia các hoạt động công đoàn và thực hiện nghĩa vụ của người đoàn viên

III. Các Danh hiệu thi đua và hình thức đã được khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng;

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

XÁC NHẬN
Của Công đoàn cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)
dấu)

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG
cơ quan, đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng

XÁC NHẬN CỦA CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG ĐOÀN KHCN VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

24

Bản xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN (nếu là Đề tài)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BẢN XÁC NHẬN
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Cơ quan, đơn vị:..... xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao của cá nhân, cụ thể:

Họ tên và chức vụ:.....

Chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài:.....

Tính cấp thiết của đề tài:.....

Đã nghiên cứu đề tài ứng dụng:.....

Đã được Hội đồng Khoa học cấp Bộ (Ngành, Nhà nước) nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc và được cấp giấy chứng nhận.

Đề tài nghiệm thu từ tháng.....năm..... và đang áp dụng ở lĩnh vực:.....

Hiệu quả nơi áp dụng:.....

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

2/4

Tóm tắt kết quả đề tài của các cá nhân

CÔNG ĐOÀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỘNG ĐOÀN:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN
Đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN tặng Bằng LĐST năm
(Kèm theo Tờ trình số:...../..... ngày..../..../... của BTV (BCH) Công đoàn)

TT	Họ và tên	Giới tính h	Tu ổi	Chức vụ, nghề nghiệp	Nội dung	Số lần được tặng Bằng LĐST (năm...)
1	2	3	4	5	6	7
1					1. Tên đề tài khoa học: 2. Tính cấp thiết của đề tài: 3. Nội dung của đề tài: 4. Hiệu quả áp dụng của đề tài : 5. Số, ngày, tháng, năm, tên đơn vị quyết định công nhận đề tài: 6. Thời gian, địa điểm đề tài được ứng dụng:	
2						
3						

Người lập bảng
(Ký, họ và tên)

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

2/1

TÓM TẮT THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ
TỔNG LIÊN ĐOÀN TẶNG BẰNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO NĂM...
(Đính kèm Tờ trình số.....)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, đơn vị công tác	Số giải pháp, sáng kiến	- Tiền làm lợi. - Tiền thưởng	Tóm tắt nội dung sáng kiến, giải pháp	Năm đã đạt Bằng Lao động sáng tạo
				Bao gồm các nội dung tại mục Lưu ý	

TM. BAN THƯỜNG VỤ (BCH)

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Lưu ý: Tóm tắt nội dung giải pháp, sáng kiến cần nêu tóm tắt một số nội dung cơ bản sau:

- Tên sáng kiến, giải pháp
- Tính cấp thiết đưa ra sáng kiến, giải pháp
- Thực trạng trước khi đưa ra sáng kiến, giải pháp
- Nội dung của sáng kiến, giải pháp
- Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến, giải pháp
- Hiệu quả kinh tế, xã hội, (giá trị làm lợi của sáng kiến, giải pháp)
- Quyết định được công nhận Giải thưởng (nếu có)
- Số, ngày, tháng, năm, đơn vị ban hành văn bản công nhận sáng kiến, hiệu quả của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến...

2/3

Khen thưởng cấp Nhà nước

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

ĐỀ NGHỊ KHEN.....²

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể³.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số ngày tháng năm 202.... của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây);

Việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước⁴.

Nội bộ đoàn kết và thực hiện dân chủ tại cơ sở

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

24

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁵.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể⁶.

III. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁷

1. Danh hiệu thi đua;

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Nội dung thành tích được khen thưởng, số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 25 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng, 10 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, 10 năm đối với Huân chương Độc lập, 05 năm trở lên đối với Huân chương Lao động; 05 năm trở lên đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn, Cờ thi đua cấp tỉnh và Giấy khen; 01 năm đối với Tập thể lao động xuất sắc và 02 năm đối với Bằng khen Tổng Liên đoàn

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...).

⁴ Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị), ví dụ:

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia; số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,...

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội...).

⁵ Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...

⁶ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể (kèm theo giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận).

⁷ Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

24

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày... .. tháng... .. năm... ..

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

ĐỀ NGHỊ TẶNG.....²

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:.....
- Quê quán³:.....
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁴:

III. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁵

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng;

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

24

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập, 05 năm trở lên trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động; 05 năm trở lên đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 06 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, 03 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn; 02 năm đối với Bằng khen Tổng Liên đoàn; 01 năm đối với Chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

⁴ Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia; số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,...

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh, tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội...).

- Đối với các hội đoàn thể, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm và các chương trình công tác của trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương...

⁵ Nêu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ v.v...

- Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”:

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc trung ương” và 06 lần đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, khoa học cấp bộ, cấp tỉnh (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ.

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc Trung ương” ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

2/4